

BÁO CÁO (dự thảo)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020
(tại ĐHQCD thường niên 2020)

Kính thưa Đoàn chủ tịch;

Kính thưa toàn thể Cổ đông;

Thay mặt cho Ban điều hành, tôi báo cáo về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch thực hiện năm 2020 như sau:

A. Tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019:

I. Những thuận lợi và khó khăn:

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực cao su, có trách nhiệm và tâm huyết.

- Bộ máy tinh gọn, chủ động được nguồn nhân lực, quản trị tốt chi phí nên trong năm đã tiết giảm được giá thành sản xuất; phần lớn CBCNV công ty là cán bộ trẻ, có tâm huyết, đã có kinh nghiệm trong quản lý điều hành.

- Được sự ủng hộ của chính quyền địa phương tại nước CHDCND Lào nơi công ty trồng phát triển cây cao su và các cây công nghiệp khác.

2. Khó khăn hạn chế:

- Công ty đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp nên chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, diện tích cao su được trồng ở công ty con tại Lào, cách trở về địa lý, ngôn ngữ và hệ thống pháp luật, cơ sở hạ tầng thấp, chi phí đầu tư cao, chi phí vận chuyển cao làm cho sản phẩm có tính cạnh tranh thấp, việc tiếp cận với các chính sách quy định của chính phủ Lào còn hạn chế.

- Các năm gần đây sự tăng trưởng kinh tế thế giới cũng như cán cân cung cầu và nhu cầu sử dụng cao su thiên nhiên đã tác động tiêu cực đến giá cao su.

- Tình hình thời tiết năm 2019 không thuận lợi, đầu vụ nắng nóng kéo dài vườn cây bị sốc nhiệt rụng lá một số đơn vị phải ra quân khai thác muộn hơn dự kiến, vào mùa mưa số lượng ngày mưa nhiều ảnh hưởng đến công tác khai thác.

- Nước Lào có nhiều lễ hội, phong tục tập quán ảnh hưởng đến thời gian làm việc, thời gian cạo mủ của công nhân; nhân công khai thác biến động lớn, gây khó khăn cho công tác huy động nhân công tại một số đơn vị.

II. Kết quả quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

1. Kết quả chỉ đạo quản lý điều hành tại Daklaoruco:

@ **Diện tích quản lý:** Công ty DRI hiện đang quản lý **9.326,79 ha** cây trồng các loại, bao gồm:

+ **Cao su:** 8.810,5 ha; trong đó: Cao su kinh doanh là 8.341,24 ha; Cao su KTCB là 469,26 ha.

+ **Điều:** 498,64 ha; Cây bạch đàn: 17,65 ha.

@ **Quản lý lao động:** Năm 2019, tổng số CBCNV toàn công ty hiện có 2.443 lao động. Thu nhập bình quân của lao động gián tiếp là 14,68 triệu đồng/người/tháng, lao động trực tiếp là 5,38 triệu đồng/người/tháng.

Bảng tổng hợp lao động năm 2019

Chỉ tiêu	LĐ người Việt Nam	LĐ người Lào	Tổng số lao động	Tỷ trọng (%)
Gián tiếp	172	18	190	7,78
Trực tiếp	81	2.172	2.253	92,22
Tổng cộng	253	2.190	2.443	100

Chính sách nhân sự của công ty đi cùng với trách nhiệm với cộng đồng xã hội nơi công ty con đóng chân, ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương (2.190 lao động người Lào), tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, nhân dân trong vùng dự án, góp phần giữ vững an ninh trật tự xã hội, xây dựng hình ảnh tốt về công ty tại Nước Lào.

Chính sách lao động của công ty nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Công ty thực hiện chi trả lương đúng thời hạn, thưởng nhân dịp lễ tết của Việt Nam và nước Lào, bố trí điều kiện ăn ở cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tổ chức các đợt tham quan du lịch, thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, mua Bảo hiểm con người cho người lao động...nhằm động viên khuyến khích người lao động làm việc và gắn bó lâu dài với công ty.

Và đặc biệt chú trọng công tác đào tạo lao động, nâng cao chất lượng tay nghề người lao động, thực hiện đào tạo cho 1.793 lao động, chi tiết theo bảng dưới đây:

STT	Nội dung đào tạo năm 2019	Số lượng (Người)
1	Đào tạo thợ cạo mủ cao su	73
2	Sát hạch thợ cạo mủ cao su đã có kỹ thuật cạo mủ	1,682
3	Tập huấn về chuỗi phát triển bền vững	4
4	Tập huấn về kế toán Lào	7
5	Đào tạo đánh giá viên nội bộ Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và Nhận thức đối với Hệ thống QLMT theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015	20
6	Tập huấn về kết nối cộng đồng	1
7	Đào tạo chuyển đổi hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017	6
Tổng cộng		1,793

Trong năm Công ty đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 15 năm thành lập Daklaoruco tại nước Lào, với sự tham gia của chính quyền địa phương nước sở tại, Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Pakse, các lãnh đạo chính quyền tỉnh Đăk Lăk, cùng sự có mặt của các cán bộ đã từng công tác tại Daklaoruco từ những ngày đầu tiên khai hoang của dự án. Điều này nhằm củng cố thêm sự vững chắc và phát triển không ngừng của công ty.

Tổng kết năm 2019, với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV công ty, chú trọng công tác nhân sự, đặt công tác khai thác mủ cao su là nhiệm vụ trọng tâm của công ty, công ty luôn quan tâm, tập trung mọi nguồn lực để thực hiện. Phối kết hợp với công ty mẹ để sản xuất và bán hàng nhằm gia tăng tỷ lệ hàng xuất khẩu lên 60,29% trên tổng lượng hàng xuất bán. Từ đó đã đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

1.1 Công tác sản xuất:

Cao su: Sản lượng khai thác năm 2019 được **15.403/18.000** tấn mủ quy khô, đạt **85,57%** kế hoạch năm. So với năm 2018 sản lượng mủ khai thác giảm 2.736 tấn tương đương 12,48%. Dẫn đầu trong kết quả thực hiện sản lượng năm 2019 là Đơn vị Nông trường 3 thực hiện được 4.825/5.225 tấn đạt 92,34% kế hoạch của NT3.

Bảng so sánh sản lượng mủ cao su khai thác thực hiện năm 2018 và 2019

Đơn vị	Năm 2018			Năm 2019			Tăng/giảm (+/-)	
	Kế hoạch (tấn)	Thực hiện (tấn)	TH/KH (%)	Kế hoạch (tấn)	Thực hiện (tấn)	TH/KH (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ %
NT1	6.400	5.561	86,89	5.350	3.932	73,49	-1.630	-13,40
NT2	4.100	4.306	105,02	4.325	3.814	88,18	-492	-16,84
NT3	5.150	5.150	100,00	5.225	4.825	92,34	-325	-7,66
NT4	2.850	3.122	109,55	3.100	2.833	91,38	-289	-18,17
Công ty	18.500	18.139	98,05	18.000	15.403	85,57	-2.736	-12,48

Mặc dù không đạt kế hoạch sản lượng đề ra nhưng năng suất vườn cây vẫn đạt ở mức cao trung bình đạt **1,85 tấn/ha**.

Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2019:

✓ Thời tiết không thuận lợi: đầu vụ nắng nóng kéo dài gây sốc nhiệt rụng lá nên một số đơn vị ra quân khai thác muộn hơn dự kiến, vào mùa mưa số lượng ngày mưa nhiều ảnh hưởng đến công tác khai thác.

✓ Đầu vụ cạo vườn cây bị bệnh phấn trắng phải triển khai ra quân muộn hơn 08 ngày so với năm 2018.

✓ Vườn cây bị khô miệng cạo chiếm tỷ lệ cao ở các Nông trường cũng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2019 của toàn Công ty.

✓ Trong năm 2019 với việc biến động nhân công khai thác lớn (công nhân ra vào thay mới) dẫn đến gia tăng tỷ lệ trống vườn, lực lượng lao động bị thiếu hụt đầu niên vụ của Nông trường 1 ảnh hưởng đến sản lượng. Tỷ lệ trống vườn năm 2019 chiếm 3,87% tăng 2,23% so với năm 2018.

✓ Năng suất vườn cây bình quân 1,85 tấn/ha, giảm 0,34 tấn/ha so với năm 2018.

✓ Trong năm Công ty thực hiện cắt cành tạo tán số lượng 114.898 cây cao su

kinh doanh trên diện tích 1.068,61 ha để hạn chế tình trạng cây gãy đổ, điều này cũng làm giảm năng suất vườn cây.

Vườn điều: năm 2019 thu hoạch được **195,5/203** tấn hạt điều tươi đạt 96,31% kế hoạch; năng suất điều bình quân đạt 0,39 tấn/ha. Trong năm mặc dù công tác chăm sóc vườn cây được chú trọng, thực hiện đảm bảo đúng quy trình, đúng lịch thời vụ, công tác bảo vệ được thắt chặt hạn chế tình trạng mất cắp sản phẩm; tuy nhiên do thời tiết tại Mường Khoỏng - Nông trường 3 không thuận lợi trong giai đoạn điều ra hoa đợt 3 đã ảnh hưởng đến khả năng đậu quả làm giảm sản lượng thu hoạch.

1.2. Công tác chế biến:

Năm 2019 công tác chế biến gặp nhiều khó khăn như:

- Lực lượng cán bộ gián tiếp, công nhân trực tiếp có nhiều biến động phải tuyển dụng đào tạo mới do đó thiếu công nhân lành nghề, cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong sản xuất.

- Hệ thống MMTB tại Nhà máy được sử dụng từ năm 2011 đến nay mặc dù được bảo dưỡng định kỳ nhưng vẫn thường xuyên bị các hư hỏng nhẹ làm ảnh hưởng đến sản xuất.

Vượt qua những khó khăn đó Công ty luôn nỗ lực cố gắng để nâng cao năng lực quản lý, sản xuất đảm bảo chế biến hết lượng mủ khai thác không để bị ách tắc sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Năm 2019 Công ty đã thực hiện chế biến được **15.434,29** tấn mủ thành phẩm các loại.

Trong đó: + Thành phẩm dây chuyền chế biến mủ nước là: 11.852,17 tấn

+ Thành phẩm dây chuyền chế biến mủ phụ là: 3.582,12 tấn

Chi tiết từng loại sản phẩm thể hiện qua bảng sau:

Khối lượng sản phẩm mủ cao su chế biến năm 2019

Stt	Loại sản phẩm	DC chế biến mủ nước		DC chế biến mủ phụ		Tổng cộng		Ghi chú
		Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ %	Khối lượng (Tấn)	Tỷ lệ %	Khối lượng (Tấn)	Tỷ lệ %	
1	Cao su SVR3L	10.205,80	86,11			10.205,80	66,12	
2	Cao su CV60	1.137,03	9,59			1.137,03	7,37	
3	Cao su CV50	42,035	0,35			42,04	0,27	
4	Cao su SVR 5	272,87	2,30			272,87	1,77	
5	Cao su SVR 10			3.150,18	87,94	3.150,18	20,41	
6	Cao su SVR 20			84,21	2,35	84,21	0,55	
7	Cao su ngoại lệ	145,88	1,23	143,43	4,00	289,31	1,87	
8	Cao su ngoại lệ tận thu	48,55	0,41	15,23	0,43	63,78	0,41	
9	Cao su ngoại lệ Hồ nước thải			189,07	5,28	189,07	1,23	
*	Tổng cộng	11.852,17	76,79	3.582,12	23,21	15.434,29	100,00	

Tỷ lệ mũ rút cấp (SVR5, ngoại lệ) của dây chuyền mũ nước trong năm 2019 là: 3.53%. Tỷ lệ mũ rút cấp (SVR 20, ngoại lệ) của dây chuyền mũ phụ là: 6.35%.

Nguyên nhân mũ rút cấp do những ngày khai thác mũ bị ảnh hưởng nước mưa (DRC<20%), xảy ra đối với những xe lấy mũ chuyển 2, xe bị sự cố dọc đường và hư hỏng MMTB đột xuất.

Mũ phụ sản xuất cuối vụ bị rút chỉ tiêu PRI (*chỉ số duy trì độ dẻo*) do chất lượng mũ mùa rụng lá không đảm bảo, sản xuất không đạt hạng SVR 10.

1.3. Công tác kinh doanh XNK:

- **Cao su:** tổng lượng hàng xuất bán năm 2019 thể hiện qua bảng sau:

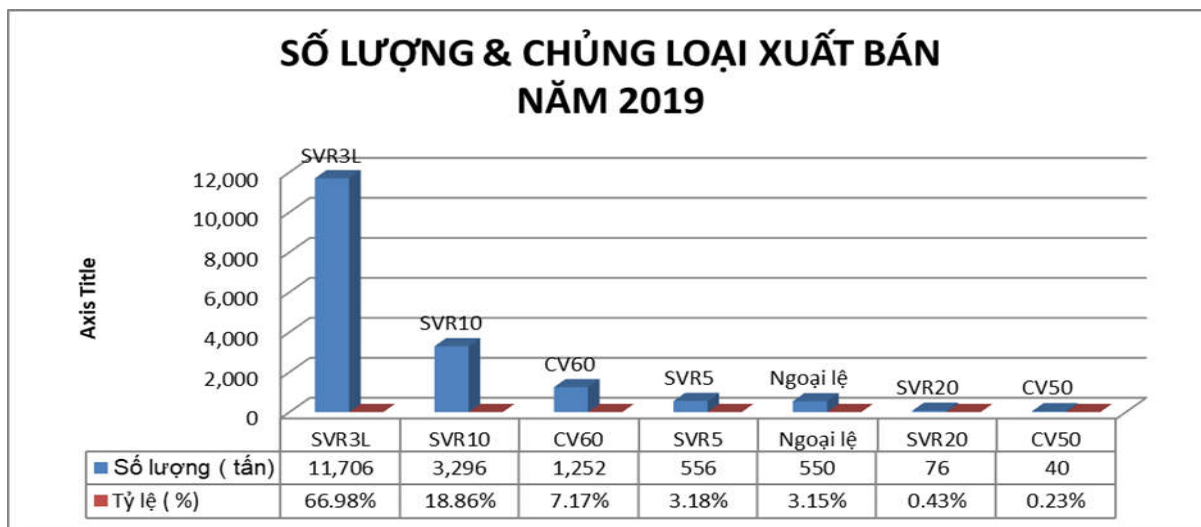
Loại hàng	Năm 2019					Năm 2018			So sánh với Thực hiện năm 2018 (%)			So sánh với Kế hoạch năm 2019 (+/-%)		
	SỐ LƯỢNG (tấn)	ĐƠN GIÁ (usd/ tấn)			DOANH THU thực hiện (USD)	SỐ LƯỢNG (tấn)	Đơn giá Thực hiện (USD/tấn)	DOANH THU thực hiện (USD)						
		Thực hiện	Theo qui định	Chênh lệch					Số lượng	Đơn giá	Doanh thu	Số lượng	Đơn giá	Doanh thu
CV60	1.252,28	1.422,41	1.408,58	13,82	1.781.252,12	241,92	1.488,51	360.100,76	418%	-4%	395%	KẾ HOẠCH NĂM 2019 - Số lượng xuất bán: 19.247 tấn - Đơn giá bình quân: 1240 usd/ tấn - Doanh thu: 23.866.490 usd - Xuất khẩu: 6.736 tấn		
CV50	40,32	1.470,00	1.436,34	33,66	59.270,40	40,32	1.470,45	59.288,36	0%	0%	0%			
SVR3L	11.705,68	1.328,63	1.320,98	7,65	15.552.548,05	12.609,47	1.381,86	17.424.459,39	-7%	-4%	-11%			
SVR10	3.296,27	1.286,54	1.273,65	12,89	4.240.795,77	3.862,92	1.292,94	4.994.501,67	-15%	0%	-15%			
Ngoại lệ	549,94	1.102,28	1.102,28	-	606.183,70	37,18	1.200,00	44.616,00	1379%	-8%	1259%			
SVR5	555,80	1.258,99	1.258,99	-	699.742,50	-	-	-	0%	0%	0%			
SVR20	75,60	1.170,00	1.170,00	-	88.452,00	-	-	-	0%	0%	0%			
Tổng	17.475,88	1.317,72	1309,09	8,63	23.028.244,54	16.791,80	1.362,75	22.882.966,18	4,07%	-3,30%	0,63%	90,80%	106,27%	96,49%

Năm 2019, công ty đã xuất bán 17.475,88 tấn mũ cao su các loại cho khách hàng, với tổng trị giá 23.028.244,5 USD (520,327 tỷ đồng); đơn giá xuất bán bình quân 1.317,72 usd/ tấn (29,77 triệu đồng/tấn). Đạt 90,8% về lượng, 106,27% về giá bình quân và 96,49% về doanh thu so với Kế hoạch năm 2019 do HĐQT công ty giao. Tăng 4,07% về lượng nhưng chỉ tăng 0,63% về trị giá do giá bình quân giảm 3,3% so với năm 2018.

Trong đó: xuất khẩu 10.536,06 tấn cao su các loại, chiếm tỷ lệ 60,29% với giá bán bình quân 30,96 triệu đồng/tấn; bán nội địa 6.939,82 tấn chiếm tỷ lệ 39,71% với giá bán bình quân 27,97 triệu đồng/tấn.

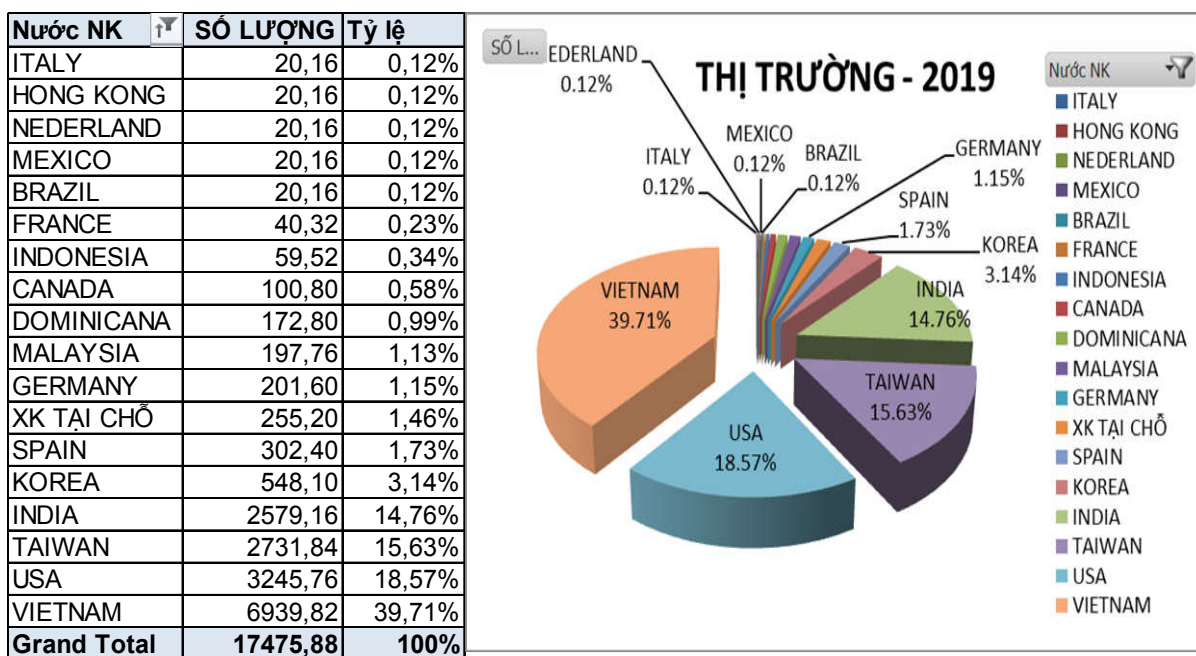
Tỷ lệ XK chiếm 60,29% tổng lượng xuất bán, đạt 172,25% Kế hoạch xuất khẩu năm 2019 do HĐQT Công ty giao, tăng 66,36 % so với thực hiện năm 2018 và được xếp thứ 29/50 doanh nghiệp xuất khẩu cao su thiên nhiên dẫn đầu năm 2019 theo Kim ngạch của Việt Nam (*Nguồn: Thông tin chuyên đề cao su – Tập 01 năm 2020 của Hiệp hội Cao su Việt Nam*).

Cơ cấu các loại hàng bán xuất khẩu và nội địa thể hiện qua bảng sau:



Chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chủng loại hàng bán là các sản phẩm chế biến từ mù nước như (CV60 + CV50 + SVR3L), chiếm tỷ lệ 74,38%. Còn lại là SVR10 – chế biến từ mù phụ, chiếm 18,86% và các sản phẩm rót cấp (SVR5 + SVR20 + ngoại lệ) chiếm 6,76%.

Về thị trường: sản phẩm của công ty đã được trải rộng trên rất nhiều thị trường, kể cả những thị trường khó tính như: Mỹ, Đức, Hà Lan, Ý, Tây Ban Nha, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan... Trong đó, 04 thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất là Mỹ (18,57%), Đài Loan (15.63%), Ấn Độ (14,76%) và các nước Châu Âu (3.3%).



- **Điều:** xuất bán 195,5 tấn điều tươi, giá bán bình quân 24,85 triệu đồng/tấn, doanh thu 4,86 tỷ đồng, đạt 74% chỉ tiêu kế hoạch doanh thu HĐQT giao năm 2019 là 6,56 tỷ đồng, giảm 20,97% so với năm 2018 (năm 2018 xuất bán 187,15 tấn điều tươi, giá bán bình quân 32,87 triệu đồng/tấn, doanh thu 6,15 tỷ đồng).

- **Tổng doanh thu từ cao su, điều** là 525,187 tỷ đồng, đạt 93,94% kế hoạch năm 2019.

2. Kết quả đầu tư vào Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI:

Tổng diện tích canh tác là 76,64 ha; cây trồng chính của công ty là chuối và sầu riêng trồng xen cao su, bao gồm:

Diện tích chuối: * *trồng năm 2018: 69,09 ha (bằng 15m);*

* trồng năm 2019: trồng trên băng 05m còn lại;

Diện tích sâu riêng: 69,09 ha (trồng xen trong chuỗi);

Diện tích cao su: 76,64 ha, công ty nhận khoán trồng và chăm sóc trong giai đoạn KTCB cho Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco).

Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI là một dự án đầu tư trồng cây ăn trái hoàn toàn mới đối với công ty, do thiếu kinh nghiệm trong công tác xây dựng kế hoạch thời vụ ban đầu cùng với việc nhận định về diễn biến khí hậu tại vùng dự án, dẫn đến lộ trình thu hoạch không như dự kiến, thời gian thu hoạch kéo dài nên không hoàn thành kế hoạch sản lượng đề ra. Tuy nhiên, Ban điều hành đã cố gắng nỗ lực lãnh đạo công ty con đạt được một số kết quả khả quan như sau:

- Sản lượng chuối thu hoạch được năm 2019 là 2.252,57 tấn, đạt 45,51% kế hoạch năm (*kế hoạch thu hoạch 2 vụ nhưng thực hiện vụ 2 mới thu hoạch chỉ 12,9%*), việc thực hiện năng suất vườn cây dự kiến vẫn đạt ở mức cao sau khi thu hoạch hết từng vụ. Cụ thể:

+ Vụ 1 thu hoạch được 1.950,7 tấn đạt 94,2% kế hoạch sản lượng vụ 1. Năng suất bình quân của vụ 1 đạt 28,22 tấn/ha (mật độ 1.666 cây/ha); trọng lượng buồng trung bình đạt 16,9 kg/buồng.

+ Vụ 2 đến hết tháng 12/2019 mới thu hoạch được 301,87 tấn, trọng lượng buồng trung bình đạt 19,4 kg/buồng.

* Một số nguyên nhân dẫn đến năng suất sản lượng chưa cao:

+ Do thời tiết tại khu vực dự án gió nhiều, nhiệt độ trung bình thấp nên thời gian sinh trưởng của chuối bị kéo dài đã làm giãn thời gian thu hoạch chuối so với kế hoạch đề ra. Vụ 2 mới chỉ thu hoạch được 12,9% khối lượng.

+ Thời tiết cực đoan, mưa đá, khí hậu mùa khô nắng nóng làm ảnh hưởng đến sản lượng chuối.

- Tổng khối lượng hàng xuất bán năm 2019 là: 2.224,79 tấn chuối tươi, với tổng doanh thu là 14,076 tỷ đồng, giá bán bình quân: 6.327 đồng/kg.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 775,769 triệu đồng, chỉ đạt 24,68% kế hoạch (3.143 triệu đồng) nguyên nhân chính là do không đạt kế hoạch sản lượng.

3. Đánh giá chung kết quả quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019:

Năm 2019 tình hình kinh tế thế giới có những biến động phức tạp, giá dầu lên xuống thất thường, chiến tranh thương mại Mỹ Trung đã tác động trực tiếp đến tình hình tiêu thụ cũng như giá mủ cao su, bên cạnh đó năm 2019 do ảnh hưởng của thời tiết với số ngày nghỉ cao do khí hậu nắng nóng, mưa nhiều và công tác xử lý cây nghiêng với số

lượng lớn, nên công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu SXKD, kết quả đạt được như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So với KH 2019 (%)	So với TH 2018 (%)
1	Sản lượng						
1.1	Cao su	Tấn	18.139	18.000	15.403	85,57	84,92
1.2	Điều	Tấn	187,2	203	195,5	96,31	104,43
1.3	Chuối	Tấn	0	4.950	2.252,57	45,51	0
2	Doanh thu	Tỷ đồng	514,161	589,39	539,263	91,49	104,88
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	61,925	48,89	55,006	112,51	88,83
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	36%	35%	60,29%	172,26	167,47
5	Giá vốn cao su	Triệu đồng/tấn	25,76	26,3	27,936	106,19	108,42
6	Giá vốn chuối	Triệu đồng/tấn	0	4,549	6,053	133,06	0
7	Cổ tức (dự kiến)	%	5%	5%	4%	80	80
8	Thu nhập	Triệu đồng/người/tháng					
8.1	Lương BQ gián tiếp		13,97	15,82	14,68	92,79	105,08
8.2	Lương BQ trực tiếp		7,00	7,35	5,38	73,20	76,86

(Tỷ giá 31/12/2019: USD: 23.107 VND; Lak: 2,526 VND)

- Năm 2019, các chỉ tiêu chính đều đạt thấp hơn kế hoạch là do thời tiết không thuận lợi, sản lượng khai thác không đạt kế hoạch, lượng hàng bán ra chỉ đạt 90,8% kế hoạch.

- Mặc dù sản lượng khai thác cao su không đạt (giảm 14,43%) nhưng Công ty cũng đã cố gắng tiết kiệm chi phí để giảm giá vốn hàng bán (giá vốn cao su chỉ tăng 6,19%).

- Doanh thu bán hàng không đạt (giảm 8,51%) nhưng lợi nhuận trước thuế tăng 12,51%. Đây là nỗ lực phấn đấu của toàn Công ty trong thời điểm khó khăn chung.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu vẫn đạt 558 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, sau khi trích lập các quỹ và để đảm bảo an toàn tài chính, Công ty dự kiến chi cổ tức ở mức 4%.

B. Phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Một số chỉ tiêu chính:

- Nhiệm vụ của Ban điều hành DRI là phấn đấu nỗ lực để chỉ đạo Daklaoruco hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020; tập trung đầu tư phát triển dự án trồng chuối, sầu riêng trên đất trồng xen cao su tại Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI; phát huy thế mạnh xuất nhập khẩu công ty; tham mưu HĐQT xử lý kịp thời các phát sinh tại các công ty con; phối hợp với Daklaoruco triển khai chủ trương phát triển cao su bền vững của HĐQT.

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 như sau:

*** Cao su:**

+ Diện tích 8.810,5 ha; trong đó: cao su kinh doanh 8.431,4 ha, cao su KTCB là 379,1 ha;

+ Khai thác: 16.000 tấn mủ quy khô; năng suất bình quân đạt 1,9 tấn/ha .

+ Sản lượng tiêu thụ dự kiến 16.024 tấn; giá bán bình quân 30,5 triệu đồng/tấn (1.315 USD/tấn); giá vốn hàng bán 28,65 triệu đồng/tấn (1.235 USD/tấn).

+ Tỷ lệ sản lượng mủ cao su xuất khẩu: 60% trên tổng sản lượng tiêu thụ;

*** Điều:** diện tích kinh doanh 497,58 ha;

+ Sản lượng 213 tấn quả tươi; giá bán bình quân 27,84 triệu đồng/tấn (1.200 USD/tấn); giá vốn hàng bán 25,83 triệu đồng/tấn (1.113 USD/Tấn).

*** Chuối:**

+ Diện tích 135,69 ha. Trong đó: vườn chuối xen sầu riêng trồng năm 2018 là 69,09 ha, vườn chuối xen sầu riêng trồng mới 2020 là 66,61 ha.

+ Sản lượng 4.590 tấn sản phẩm chuối; giá bán bình quân 6,44 triệu đồng/tấn (278 USD/tấn); giá vốn hàng bán 5,64 triệu đồng/tấn (243 USD/tấn).

*** Kết quả sơ bộ dự kiến:**

+ Tổng doanh thu là 524.650 triệu đồng.

+ Tổng chi phí 490.384 triệu đồng;

+ Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 34.266 triệu đồng;

+ Thu nhập bình quân gián tiếp: 15,25 triệu đồng/người/tháng; trực tiếp là: 5,7 triệu đồng/người/tháng.

+ Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020: 3% vốn điều lệ.

2. Giải pháp thực hiện:

Để đạt được các chỉ tiêu nói trên, Ban điều hành đề ra giải pháp nhằm thực hiện thành công nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao năm 2020 như sau:

- Chỉ đạo công tác chăm sóc vườn cây và tăng cường quản lý kỹ thuật vườn cây khai thác đảm bảo quy trình kỹ thuật sản xuất, tổ chức sản xuất, bố trí lao động hợp lý và tiếp tục thực hiện các chính sách đối với người lao động;

- Thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận;

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng nâng sản lượng hàng xuất khẩu mủ cao su từ mức 60% trở lên trên tổng lượng hàng xuất bán;

- Điều hành mở rộng dự án nông nghiệp trồng chuối – cây ăn quả, chú trọng tiết giảm chi phí đầu tư một cách hợp lý, nhằm giảm suất đầu tư, nâng cao hiệu quả của dự án.

- Tiếp tục chỉ đạo Daklaoruco triển khai thực hiện kế hoạch Phát triển bền vững theo chủ trương của HĐQT, hướng tới mục tiêu được cấp chứng chỉ FSC vào cuối năm 2021.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 và các chỉ tiêu định hướng năm 2020. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và góp ý kiến để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2020;
- Chủ tịch HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THANH CẦN